

Ngành dệt may Việt Nam với lợi thế nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ, có thị trường tiêu thụ và được Chính phủ quan tâm, đã phát triển khá nhanh và đã tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Ngành dệt may Việt Nam đang giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế đất nước: Thu dụng 24 % lao động trong khu vực công nghiệp (khoảng 1,6 triệu người), đóng góp 14,8 % tổng kim ngạch xuất khẩu, đóng góp 31 % GDP của công nghiệp chế biến. Trong 5 năm qua, xuất khẩu hàng may mặc tăng bình quân hàng năm khoảng 20-25 %, toàn ngành dệt may đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 11%.

Trong sản xuất dệt may, nguyên liệu đóng vai trò quan trọng và có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Ngành dệt may Việt Nam sử dụng các nguyên liệu chính là: bông xơ, xơ sợi tổng hợp, len, dầy, tơ tằm xơ liber khác, các loại hóa chất cơ bản khác và thuốc nhuộm... trong đó quan trọng nhất là bông xơ và xơ sợi tổng hợp. Do không chủ động được nguồn nguyên liệu (90% nguyên liệu sử dụng cho ngành dệt phải nhập từ nước ngoài) nên ngành dệt Việt Nam thường xuyên phải chịu sức ép nặng nề của việc tăng giá nguyên liệu trên thế giới. Mặt khác, nguồn nguyên liệu phụ thuộc vào nhập khẩu mà không thống nhất ở một vài đơn vị có chức năng nhập và do nhiều đầu mối, thậm chí không phải ngành dệt vẫn đứng ra nhập và phân phối bông sợi theo nhiều loại giá khác nhau, đầu cơ làm biến động giá đầu vào khiến đầu ra không ổn định.

Tình hình sản xuất nguyên liệu

Hiện nay, Việt Nam mới sản xuất được các loại xơ dệt chính là bông và tơ tằm. Chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi hơn các nước Đông Nam Á về trồng bông và có khả năng khai thác được từ 25.000-30.000 ha diện tích trồng bông, cung cấp cho ngành dệt khoảng 10.000 tấn /năm. Nhưng trên thực tế hiện nay mới chỉ cung cấp cho ngành dệt khoảng 4.000 tấn /năm, đáp ứng được khoảng 2,5% công suất máy móc thiết bị hiện có.

Diện tích trồng dâu trên cả nước hiện đạt khoảng 38.000 ha, cho 1.500 tấn tơ kén, đạt doanh số xuất khẩu 25 triệu USD. Quỹ đất có thể trồng bông lớn nhưng chủ yếu là trên đất đang canh tác các loại cây hoa màu, lương thực, nên trồng bông hàng hoá luôn có sự cạnh tranh với các cây trồng khác.

Thực tế sản phẩm dệt tơ tằm trong nước chưa nhiều, chất lượng chưa cao, còn biến động lớn cả về chất lượng lẫn sản lượng. Chất lượng tơ chủ yếu là dưới cấp A, cấp C-E và

không phân cấp. Lượng tơ đạt chất lượng xuất khẩu (từ cấp A trở lên) chiếm tỷ lệ thấp và chỉ có thể đạt được ở các xí nghiệp ương tơ ở Lâm Đồng và Hải Hưng.

Nguồn xơ sợi tổng hợp sử dụng hiện tại vẫn còn phải nhập 100% hàng năm nhập khoảng 25.000 tấn xơ PE và 6.000 tấn sợi PETEX.

Chất lượng xơ bông Việt Nam đạt tiêu chuẩn bông cấp I

Nga, bông trung bình của Mỹ nhưng cần phải hoàn thiện hơn tỷ lệ chín của xơ bông, giảm tỷ lệ tơ ngắn và tạp chất trong xơ.

Như n g năm gần đây, sản xuất bông trong nước có được chú ý quan tâm hơn nhưng cũng mới chỉ đáp ứng được 3-

5 % nhu cầu và bông chưa có một vị trí xứng đáng trong những cây công nghiệp quan trọng ở nước ta.

Nguyên nhân

Về mặt kỹ thuật, bông không phải là cây thuần nông nên kỹ thuật canh tác chưa được phổ cập rộng rãi như cây lương thực và một số cây công nghiệp khác như cà phê, cao su, mía, thuốc lá trong khi đó cây bông lấy hộ gia đình làm mô hình phát triển chính nên việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến bị hạn chế.

- Bông xơ chủ yếu dùng cho công nghiệp dệt, trong trường hợp không tiêu thụ được người nông dân không sử dụng được nhiều vào các mục đích khác như cây lương thực.

- Việc xác định giá thu mua bông hạt chưa tuân theo qui luật giá trị, mối quan hệ cung cầu trong môi trường cạnh tranh, hình thức canh tác chủ yếu theo hộ gia đình nên có tình trạng, khi giá bông thị trường thế giới tăng cao thì tư thương tranh mua với các tổ chức đã đầu tư đầu vụ, các cơ sở kéo sợi lại phải mua lại của tư thương với giá tương đương giá thị trường thế giới. Ngược lại khi giá bông thị trường thế giới tụt xa so với giá thành sản xuất trong nước thì ngành bông bị lỗ, Nhà nước phải bù.

- Các chính sách hỗ trợ của nhà nước còn qua trung gian chưa đến thẳng người trồng bông làm tăng chi phí không đáng có, giảm lợi ích thực tế của người trồng bông. Tư thương lợi dụng cơ hội này để chèn ép người trồng bông khi giá bông thị trường thế giới biến động.

Từ thực trạng trên đây chúng ta rút ra được những thuận lợi và khó khăn của nguồn nguyên liệu cho ngành dệt may Việt Nam là:

Thuận lợi

- Ngành trồng bông đã cố gắng duy trì diện tích sản có, tập trung nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng bông xơ để tăng hiệu quả của sản xuất bông vải.

- Tăng cường khả năng chế biến và nâng cao chất lượng xơ bông.

BÔNG NGUỒN NGUYÊN LIỆU CHỦ YẾU CHO NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

Thạc sĩ NGUYỄN THANH VÂN

- Đã cải tiến tổ chức thích hợp với cơ chế thị trường.

Khó khăn

- Ngành dệt nước ta hiện nay chưa đủ khả năng đáp ứng các loại vải cho các doanh nghiệp may hàng xuất khẩu cả về số lượng, chủng loại và chất lượng, hầu hết nguyên liệu dệt phải nhập từ nước ngoài. Vì vậy phải đầu tư phát triển cây bông nhằm tự túc một phần đáng kể nguyên liệu cho ngành dệt may, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Việc sản xuất bông, trồng dâu nuôi tằm trong những năm gần đây tại Việt Nam có được chú ý quan tâm hơn nhưng cũng còn đang thực hiện chủ yếu là trên đất canh tác các loại cây hoa màu lương thực, nên việc trồng bông, dâu luôn có sự cạnh tranh với các cây trồng khác. Do vậy chỉ đáp ứng được 3-5 % nhu cầu và chưa có một vị trí xứng đáng trong những cây quan trọng ở nước ta.

- Về thiết bị ngành dệt và kéo sợi ở Việt Nam nhập khẩu gần như 100% với giá cao nhiều lần so với hàng Trung Quốc nên chi phí thiết bị trong vải lại cao hơn từ 4-5% nữa.

- Giá nguyên liệu bông xơ trên thị trường không ổn định. Giá nguyên liệu bông xơ tăng vọt và giảm mạnh vài năm trước làm cho một số doanh nghiệp có số lượng dự trữ lớn lao đao. Trong khi giá thị trường quốc tế tiếp tục hạ thì nhiều doanh nghiệp Việt nam phải sản xuất với giá nguyên liệu cũ, do vậy khả năng cạnh tranh với các loại hàng của các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc càng khó khăn hơn.

Mục tiêu của ngành dệt may

Các chỉ tiêu cụ thể về sản xuất từ nay đến năm 2010:

Đến năm 2005, sản phẩm chủ yếu đạt: Bông xơ 30.000 tấn, xơ sợi tổng hợp 60.000 tấn; sợi các loại 150.000 tấn; vải lụa thành phẩm 800 triệu mét vuông; dệt kim 300 triệu sản phẩm; may mặc 780 triệu sản phẩm quy chuẩn.

Đến năm 2010, sản phẩm chủ yếu đạt: Bông xơ 80.000 tấn; xơ sợi tổng hợp 60.000 tấn; sợi các loại 300.000 tấn; vải lụa thành phẩm 1.400 triệu mét vuông; dệt kim 500 triệu sản phẩm; may mặc 1.500 triệu sản phẩm quy chuẩn. Phát triển mạnh cây bông so với hiện nay: Tăng gấp 7 lần về diện tích, năng suất tăng hơn 60% và sản lượng bông tăng hơn 13 lần, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu nguyên liệu cho ngành dệt, tăng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm xuất khẩu từ 25% lên 75% (bông thiên nhiên, xơ nhân tạo, vải, phụ liệu) để được hưởng các ưu đãi trong thương mại quốc tế. Dự kiến vốn đầu tư cho khâu này vào khoảng 1.505 tỷ đồng. Trong số đó, hơn 600 tỷ đồng sẽ được dành cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật, khuyến nông và xây dựng cơ sở hạ tầng; khoảng 900 tỷ đồng đầu tư cho công nghệ chế biến, sản xuất.

Mục tiêu phát triển cây bông đến năm 2010:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010
- Diện tích trồng bông CN	1.000 ha	22,6	60,0	150,0
- Năng suất bông hạt	Tạ/ha	9,0	14,0	18,0
- Sản lượng bông hạt	1.000 tấn	20,3	84,0	270,0
- Sản lượng bông xơ	1.000 tấn	6,8	30,0	80,0
- Nhu cầu bông xơ toàn ngành	1.000 tấn	60,0	97,0	130,0
- Đáp ứng yêu cầu ngành dệt	%	11,0	30,0	61,0

(Nguồn: Tổng công ty dệt may Việt Nam)

Giải pháp

Để phát triển cây bông Việt Nam, cần áp dụng một số biện pháp sau:

Về khoa học kỹ thuật: Tập trung đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết khâu giống bông, huy động lực lượng cán bộ chuyên gia khoa học kỹ thuật của các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học để đưa tiến bộ khoa học vào khâu gieo trồng, chăm bón và thu hoạch. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và nhân lực cho Trung tâm nghiên cứu bông Nha Hồ đủ sức hợp tác với các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện công tác nghiên cứu phục vụ cho công tác nghiên cứu phục vụ cho chiến lược phát triển cây bông gắn với việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật cho toàn ngành trong những năm tới. Đầu tư, xây dựng một số vùng chuyên canh lớn ở những nơi đã có quy hoạch đất đai, thủy lợi và đã có kinh nghiệm trồng bông phân tán ở các tỉnh duyên hải Nam trung bộ như Bình Thuận, Ninh Thuận..., để áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào khâu gieo trồng, chăm bón và thu hoạch. Duy trì trồng bông, xen canh gối vụ ở những nơi quỹ đất không lớn hoặc không thể phát triển bông tập trung, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng có thị trường tiêu thụ ổn định. Đẩy mạnh công tác khuyến nông nhằm chuyển giao kỹ thuật, gắn trách nhiệm giữa cán bộ khuyến nông với kết quả sản xuất. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đẩy mạnh công tác phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây bông từ khâu giống, thời vụ, chăm bón, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ và các chính sách hỗ trợ của nhà nước với người trồng bông.

Về vấn đề chất lượng: Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp khoa học kỹ thuật nhằm cải thiện chất lượng bông xơ, phát triển cây bông hàng hóa. Do yêu cầu cao của sản phẩm dệt may đưa ra thị trường thế giới, Nhà nước cần có qui định về tiêu chuẩn bông hạt, bông xơ Việt Nam nhằm kiểm soát chất lượng của các cơ sở cán bông hạt để không làm ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của sản phẩm dệt trên thị trường trong và ngoài nước. Ngoài ra, việc hiện đại hóa thiết bị cán bông để tăng tỷ lệ thu hồi xơ; nghiên cứu chế biến dầu hạt bông để tăng giá trị thu hồi góp phần giảm giá thành bông xơ.

Về thị trường tiêu thụ bông xơ: Tổng công ty dệt may Việt Nam, với tư cách là một doanh nghiệp lớn của ngành dệt may phải tiêu thụ hết số bông hàng hoá theo thời giá bông xơ cùng loại trên thị trường thế giới từng thời kỳ, bảo đảm cân đối nguyên liệu giữa nhập khẩu và sản xuất trong nước, tạo điều kiện để người trồng bông trực tiếp quan hệ với người tiêu thụ bông xơ - các doanh nghiệp kéo sợi, loại bỏ trung gian không cần thiết. Trong trường hợp giá bông thế giới giảm mạnh làm cho người trồng bông bị lỗ thì nhà nước cần có biện pháp trợ giá.

Về việc tổ chức thực hiện: Do tính chất của cây bông và chất lượng xơ bông cho sản xuất công nghiệp, việc tổ chức phát triển cây bông cần theo một hệ thống tổ chức chặt chẽ, lấy Công ty bông Việt Nam làm lực lượng nòng cốt nhằm giải quyết các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân như nghiên cứu khoa học, cung ứng giống, khuyến nông, thu mua và chế biến bông hạt ... ■